

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **14**/2026/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày **29** tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
**Quy định mức chi các hoạt động khuyến công
trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 64/2024/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 694/TTr-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Nghị quyết quy định mức chi các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 269/BC-BPC ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định mức chi các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định mức chi các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Đối với các mức chi hoạt động khuyến công không được quy định cụ thể tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP Về Khuyến công; Thông tư số 28/2018/TT-BTC Hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 64/2024/TT-BTC và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện áp dụng sản xuất sạch hơn.

3. Tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Mức chi

1. Chi tổ chức các cuộc thi, cuộc vận động về các hoạt động khuyến công:

a) Bồi dưỡng thành viên Ban giám khảo cuộc thi: 300.000 đồng/người/ngày.

b) Bồi dưỡng thành viên Ban tổ chức, Ban thư ký cuộc thi: 200.000 đồng/người/ngày.

c) Chi giải thưởng: Căn cứ dự toán được giao và quy mô, địa bàn tổ chức cuộc thi, thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức cuộc thi quyết định mức chi giải thưởng cụ thể nhưng không vượt mức chi quy định sau:

- Giải tập thể từ 500.000 đồng đến 4.000.000 đồng/giải thưởng.

- Giải cá nhân từ 200.000 đồng đến 2.000.000 đồng/giải thưởng.

2. Chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật (bao gồm: Hoàn thiện kế hoạch kinh doanh; dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp): Mức hỗ trợ 10 triệu đồng/doanh nghiệp.

3. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật:

a) Mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới (bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật): Mức hỗ trợ 30% chi phí, nhưng không quá 500 triệu đồng/mô hình;

b) Mô hình của các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức, cá nhân khác học tập (bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật): Mức hỗ trợ 70 triệu đồng/mô hình.

4. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp (bao gồm các chi phí: Thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; đào tạo nâng cao trình độ tay nghề công nhân; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật): Mức hỗ trợ 30% chi phí nhưng không quá 300 triệu đồng/mô hình.

5. Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Mức hỗ trợ 50% chi phí, nhưng không quá 250 triệu đồng/cơ sở. Trường hợp chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ thì mức hỗ trợ bằng 1,5 lần mức hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

6. Chi tổ chức bình chọn và cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã, tỉnh:

a) Chi tổ chức bình chọn và cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã, tỉnh: Đối với cấp xã hỗ trợ 30 triệu đồng/lần; đối với cấp tỉnh hỗ trợ 150 triệu đồng/lần;

b) Chi thưởng cho sản phẩm được công nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (bao gồm: Giấy chứng nhận, khung, kỉ niệm chương và tiền thưởng): Đạt giải cấp xã thưởng 02 triệu đồng/sản phẩm; đạt giải cấp tỉnh thưởng 05 triệu đồng/sản phẩm.

7. Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn: Mức hỗ trợ 35 triệu đồng/nhãn hiệu.

8. Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới: Mức hỗ trợ 50% chi phí, nhưng không quá 30 triệu đồng/cơ sở.

9. Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác: Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng, giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

10. Chi hỗ trợ để thành lập hội, hiệp hội ngành nghề cấp tỉnh: Mức hỗ trợ 30% chi phí thành lập hội, hiệp hội cấp tỉnh nhưng không quá 70 triệu đồng/hội, hiệp hội.

11. Chi hỗ trợ để hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp: Mức hỗ trợ 50% chi phí nhưng không quá 150 triệu đồng/cụm liên kết.

12. Chi hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp (hỗ trợ sau khi cơ sở công nghiệp nông thôn đã hoàn thành việc đầu tư): Mức hỗ trợ 30% lãi suất cho các khoản vay để đầu tư nhà, xưởng, máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong 02 năm đầu nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở. Việc hỗ trợ lãi suất áp dụng đối với các khoản vay trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam trả nợ trước hoặc trong hạn, không áp dụng đối với các khoản vay đã quá thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Với mức lãi suất cho vay thấp nhất trong khung lãi suất áp dụng cho các khoản vốn đầu tư phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ của Ngân hàng phát triển Việt Nam.

13. Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn: Mức hỗ trợ 30% chi phí, nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở.

14. Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp: Mức hỗ trợ 30% chi phí, nhưng không quá 500 triệu đồng/cụm công nghiệp.

15. Chi thù lao cho Cộng tác viên khuyến công: Mức chi thù lao cho Cộng tác viên khuyến công bằng 1,0 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

16. Chi hỗ trợ các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại cơ sở công nghiệp nông thôn và đơn vị thực hiện dịch vụ khuyến công:

a) Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ, kệ giá dùng để trưng bày tại cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia: Mức hỗ trợ 45 triệu đồng/phòng trưng bày;

b) Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý, kệ giá dùng để trưng bày tại cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh: Mức hỗ trợ 35 triệu đồng/phòng trưng bày;

c) Chi hỗ trợ mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ, cải tạo phòng dùng để trưng bày, giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ khuyến công: Mức hỗ trợ 90 triệu đồng/phòng trưng bày.

17. Chi hỗ trợ tổ chức tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm trong nước; tham dự hội thảo chuyên đề, hội nghị sơ kết, tổng kết đánh giá hoạt động khuyến công, sản xuất sạch hơn; tham gia các hội chợ, triển lãm trong nước; tổ chức khảo sát, hướng dẫn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia thực hiện chương trình, đề án khuyến công áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định một số mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Lào Cai.

18. Chi quản lý chương trình đề án khuyến công

a) Cơ quan quản lý kinh phí khuyến công được sử dụng 1,5% kinh phí khuyến công do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra (nếu có); chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, đề án khuyến công; chi khác (nếu có). Nội dung và kinh phí do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ khuyến công địa phương: Đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công được chi 3% dự toán đề án khuyến công (riêng đề án ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, theo quy định của pháp luật được chi không quá 4%) để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có).

Điều 4. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí cho các hoạt động khuyến công được bảo đảm từ nguồn ngân sách địa phương, các nguồn vốn lồng ghép, huy động hợp pháp khác.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai quy định một số nội dung, mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

b) Nghị quyết số 147/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định mức chi các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

3. Số thứ tự 45 Mục II.2 Phụ lục số I; số thứ tự 02 Mục II.2 Phụ lục số II ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về việc tiếp tục thực hiện, bãi bỏ một phần, bãi bỏ toàn bộ một số nghị quyết quy định về chính sách chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

4. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định được viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ thì thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật mới.

5. Quy định chuyển tiếp: đối với những đề án, nội dung khuyến công địa phương đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm được phê duyệt.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XVII, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các xã, phường;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Công báo;
- Lưu: VT, CVPC. ✓

CHỦ TỊCH



Hoàng Giang